

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Sao y bản chính



Nguyễn Tấn Đạt

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

MỤC LỤC

Trang

- | | |
|---|---------|
| 1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 01 - 02 |
| 2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 03 - 04 |
| 3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 05 - 08 |
| 4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 09 |
| 5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 10 - 11 |
| 6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 12 - 38 |

W 02
C
KI
THÁ
11/11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ công cộng Bình Dương (sau đây gọi tắt là Công ty) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ công cộng Bình Dương là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700149145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 14 tháng 04 năm 2006 (thay đổi lần thứ 14 ngày 15 tháng 07 năm 2020)

Vốn điều lệ 83.432.650.000 đồng
Vốn thực góp 91.775.920.000 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 382 1983

Fax: 0274 382 1983

Email: nganthuong@bps.net.vn

Mã số thuế: 3700149145

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Tấn Đạt

Ông Lê Hữu Nghĩa

Ông Trần Danh

Ông Trần Thiện Thế

Ông Nguyễn Văn Tài

Chức vụ

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Võ Thị Thanh Thảo

Bà Trần Thị Thu Thảo

Bà Lâm Thị Phương Lam

Chức vụ

Trưởng ban kiểm soát

Kiểm soát viên

Kiểm soát viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Ông Lê Hữu Nghĩa

Ông Huỳnh Tấn Tài

Bà Đồng Thị Ngân Thương

Chức vụ

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất. Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp. Kinh doanh bia, nước ngọt, ăn uống, nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ. Dịch vụ karaoke, cho thuê xe du lịch. Khai thác khoáng sản. Thu gom, xử lý rác sinh hoạt và rác thải công nghiệp. Thu gom, xử lý rác vệ sinh khu công nghiệp. Chế biến phân hữu cơ từ nguyên liệu rác thải. Xây dựng, duy tu hệ thống đèn chiếu sáng công cộng. Trồng, chăm sóc và quản lý hệ thống cây xanh thuộc các công trình công cộng. Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh. Quản lý nghĩa trang Quảng Đông Tp. Thuận An và nghĩa trang Triều Châu Tp. Dĩ An. Dịch vụ cho thuê nhà cho người có thu nhập thấp. Cung cấp nước sạch ở Tp. Dĩ An. Dịch vụ mai táng và hỏa táng. Dịch vụ cầm đồ. Kinh doanh bất động sản. Máy trang phục (không hoạt động tại trụ sở).

NG T
NHH
A TO
NH DU
HỒ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trong yếu tố báo cáo của Ban Tổng Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

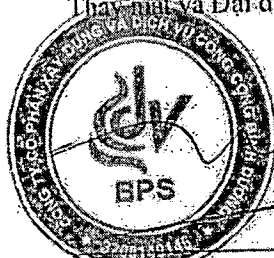
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 27 tháng 03 năm 2021

Thay mặt và Đại diện Ban Tổng Giám đốc



Lê Hữu Nghĩa
Tổng Giám đốc



Số 89/2021/BCKITTC-TBD

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CÔNG BÌNH DƯƠNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ công công Bình Dương, được lập ngày 27 tháng 03 năm 2021, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



(BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ công cộng Bình Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2021

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thành Đức

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1498-2018-196-1

Trần Minh Bảo

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3219-2020-196-1



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2020	TẠI NGÀY 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		78.444.777.816	81.735.566.332
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		16.555.988.816	21.337.660.377
1. Tiền	111	V.01a	16.555.988.816	21.337.660.377
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.017.172.000	2.017.172.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.02a	2.415.135.200	2.415.135.200
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	V.02b	(397.963.200)	(397.963.200)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52.040.524.324	43.086.993.793
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	12.944.952.531	12.752.848.532
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	14.490.952.176	14.664.941.995
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	24.657.517.717	15.722.101.366
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(52.898.100)	(52.898.100)
IV. Hàng tồn kho	140		7.170.828.808	15.032.677.270
1. Hàng tồn kho	141	V.06	7.170.828.808	15.032.677.270
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		660.263.868	261.062.892
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	133.360.625	261.062.892
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		526.903.243	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.013	-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		202.287.906.650	163.564.460.422
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.216.276.000	7.982.861.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	9.216.276.000	7.982.861.000
II. Tài sản cố định	220		23.615.953.839	20.842.541.507
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	13.372.339.426	14.392.385.045
Nguyên giá	222		36.250.152.792	36.186.528.298
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.877.813.366)	(21.794.143.253)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	10.243.614.413	6.450.156.462
Nguyên giá	228		15.180.214.560	10.878.231.700
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.936.600.147)	(4.428.075.238)
III. Bất động sản đầu tư	230		51.457.537.200	53.391.537.200
Nguyên giá	231	V.10	51.457.537.200	53.391.537.200

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CÔNG BÌNH DƯƠNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		13.157.477.103	280.890.194
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.19	13.157.477.103	280.890.194
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		104.001.000.000	80.101.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.02b	104.001.000.000	80.101.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		839.662.508	965.630.521
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	839.662.508	965.630.521
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		280.732.684.466	245.300.026.754

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2020	TẠI NGÀY 01/01/2020
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		136.776.291.606	103.240.524.497
I. Nợ ngắn hạn	310		74.039.264.260	75.044.955.701
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	2.617.202.530	2.452.035.226
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	2.758.237.500	2.465.137.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.025.243.940	2.354.595.216
4. Phải trả người lao động	314	V.14	3.949.266.558	2.934.803.030
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15a	2.485.353.364	3.513.895.614
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	1.605.786.702	19.568.986.532
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	58.326.396.123	41.500.000.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.17	12.000.000	12.000.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	1.259.777.543	243.502.583
II. Nợ dài hạn	330		62.737.027.346	28.195.568.796
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15b	7.811.291.046	7.881.612.796
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	34.925.736.300	313.956.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	20.000.000.000	20.000.000.000

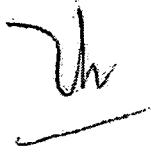
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

			Đơn vị tính: VND	
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		143.956.392.860	142.059.502.257
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	143.952.983.122	142.056.092.519
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		91.775.920.000	83.432.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		91.775.920.000	83.432.650.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.914.614.230	22.227.206.820
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.262.448.892	36.396.235.699
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		20.097.464.231	19.522.161.603
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.164.984.661	16.874.074.096
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		3.409.738	3.409.738
1. Nguồn kinh phí	431		3.409.738	3.409.738
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		280.732.684.466	245.300.026.754

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

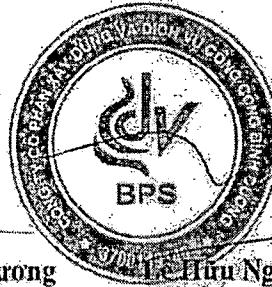
Ngày 27 tháng 03 năm 2021



Võ Thị Thanh Thảo
Người lập biểu



Đồng Thị Ngân Thương
Kế toán trưởng



Lê Hữu Nghĩa
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

			Đơn vị tính: VND	
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2020	2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.034.316.609.515	1.060.968.064.802
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.034.316.609.515	1.060.968.064.802
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.007.585.475.332	1.027.021.316.887
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.731.134.183	33.946.747.915
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	19.385.304	2.522.342.188
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	3.245.732.930	2.277.203.042
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.245.732.930	2.067.699.242
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	8.397.612.532	7.713.815.789
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	8.977.697.642	8.569.266.774
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.129.476.383	17.908.804.498
11. Thu nhập khác	31	VI.07	3.950.645.269	2.902.865.679
12. Chi phí khác	32		41.579.122	-
13. Lợi nhuận khác	40		3.909.066.147	2.902.865.679
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.038.542.530	20.811.670.177
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	1.873.557.869	3.937.596.081
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.164.984.661	16.874.074.096
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		890	2.022
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 27 tháng 03 năm 2021


Võ Thị Thanh Thảo
Người lập biểu


Đồng Thị Ngân Thương
Kế toán trưởng


Lê Hữu Nghĩa
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

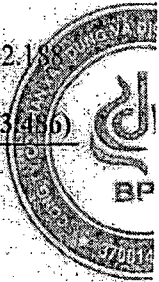
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	2020	2019
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		614.621.736.315	626.957.574.605
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(836.653.358.414)	(853.107.938.846)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(15.227.029.029)	(18.038.201.872)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.604.492.930)	(1.244.499.242)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3.226.136.081)	(2.779.498.544)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		644.387.476.238	669.946.902.483
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(391.179.879.562)	(388.038.816.666)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		10.118.316.537	33.695.521.918
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.858.962.582)	(29.401.665.674)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		31.818.182	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(23.900.000.000)	(10.571.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		19.385.304	2.522.342.188
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27.707.759.096)	(37.450.323.486)



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

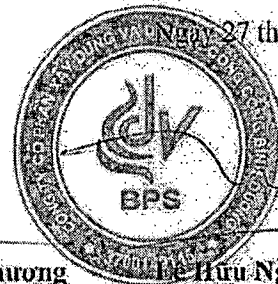
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ TM		2020	2019
	1	2 3	4	5
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của Doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		155.600.000.000	153.438.806.901
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(138.773.603.877)	(138.438.806.901)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.018.625.125)	(4.391.591.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		12.807.770.998	10.608.408.900
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(4.781.671.561)	6.853.607.332
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		21.337.660.377	14.484.053.045
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đầu kỳ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		16.555.988.816	21.337.660.377

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.



Th

Võ Thị Thanh Thảo
Người lập biểu

h

Đông Thị Ngân Thương
Kế toán trưởng

hell

Đoàn Lê Hữu Nghĩa
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ công cộng Bình Dương là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700149145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 14 tháng 04 năm 2006 (thay đổi lần thứ 14 ngày 15 tháng 07 năm 2020)

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

- Vốn điều lệ: 83.432.650.000 VND

- Vốn thực góp: 91.775.920.000 VND

Trụ sở đặt tại: Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất. Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp. Kinh doanh bia, nước ngọt, ăn uống, nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ. Dịch vụ karaoke, cho thuê xe du lịch. Khai thác khoáng sản. Thu gom, xử lý rác sinh hoạt và rác thải công nghiệp. Thu gom, xử lý rác vệ sinh khu công nghiệp. Chế biến phân hữu cơ từ nguyên liệu rác thải. Xây dựng, duy tu hệ thống đèn chiếu sáng công cộng. Trồng, chăm sóc và quản lý hệ thống cây xanh thuộc các công trình công cộng. Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh. Quản lý nghĩa trang Quảng Đông Tp. Thuận An và nghĩa trang Triều Châu Tp. Dĩ An. Dịch vụ cho thuê nhà cho người có thu nhập thấp. Cung cấp nước sạch ở Tp. Dĩ An. Dịch vụ mai táng và hỏa táng. Dịch vụ cầm đồ. Kinh doanh bất động sản. Máy trang phục (không hoạt động tại trụ sở).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

Trong năm tài chính hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con

- Công ty Cổ phần Đầu tư Hoa viên - Nghĩa Trang - Long Xuyên

Mã số thuế: 1601542143; Địa chỉ: Khóm Tây Huê 1, P.Mỹ Hòa, Tp.Long Xuyên, Tỉnh An Giang

- Công ty Cổ phần Đầu Tư Phú Hưng Viên

Mã số thuế: 1300982599; Địa chỉ: Ấp Phú Thành (TĐ số 663, TBD số 13), Phú Hưng, Tp.Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dịch vụ Thương mại Vĩnh Cửu

Mã số thuế: 3603408436; Địa chỉ: Số AA1.AA2 đường 768, ấp Bình Phước, xã Tân Bình, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty có các chi nhánh trực thuộc

- Nhà nghỉ Hương Tràm 1: Số 37A Đường DT745, Khu Phố Đông Tư, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương;
- Khách sạn Hương Tràm 2: Lô C5, Hoàng Văn Thụ, Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thủ Dầu 1, Tỉnh Bình Dương;
- Nghĩa Trang Lái Thiêu: 2C/2D Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hoà, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương;
- Nghĩa Trang Dĩ An: Khu phố Tân An, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương;
- Cửa Hàng Tự Lực: Số 2C/2E Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hoà, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương;
- Trạm bơm nước Dĩ An: 19/22 Trần Hưng Đạo, KP Bình Minh 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương;
- Cửa hàng Tự Lực Dĩ An: Số 133/1A Khu phố Đông An, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương;
- Cửa hàng Tự Lực Tân Uyên: Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 01, tờ 1, Khu phố 7, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương;
- Nhà nghỉ Hương Tràm 3: Số 133/1A Khu phố Đông An, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương;
- Khách sạn Hương Tràm 4: Phường Tân Định, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VND) trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. Hình thức số kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ;

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty giao dịch thường xuyên tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Nhập trước xuất trước

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kế khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Trong năm, việc trích lập dự phòng này đơn vị chưa đủ điều kiện để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo phương pháp trên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí nghiên cứu;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo phương pháp tỉ lệ phần trăm công việc hoàn thành dựa vào mức độ hoàn thành công việc vào ngày kết thúc năm tài chính.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Lãi vay thuê tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

a Tiền

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt tại quỹ	11.565.196.099	14.279.954.898
+ Tiền mặt tại quỹ VND	11.565.196.099	14.279.954.898
Tiền mặt tại Văn phòng công ty	8.833.858.408	5.226.386.872
Tiền mặt tại Cửa hàng Tự Lực	2.436.894.045	8.661.702.557
Tiền mặt tại Căn tin Hương Tràm I	2.583.859	1.455.859
Tiền mặt tại CHTL Tân Uyên	291.859.787	390.409.610
Tiền gửi ngân hàng VND	4.990.792.717	7.057.705.479
- Tiền gửi Ngân hàng tại văn phòng công ty	3.419.540.346	5.358.565.364
- Tiền gửi Ngân hàng tại Cửa hàng Tự Lực	1.193.724.518	533.578.450
- Tiền gửi Ngân hàng tại CHTL Tân Uyên	315.797.591	1.159.535.848
- Tiền gửi Ngân hàng (lưu ký chứng khoán)	11.202.635	6.025.817
- Tiền gửi ngân hàng - NH Công Thương CN NT Di An	50.527.627	
Tổng cộng	16.555.988.816	21.337.660.377

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty XD Giao Thông Thủy Lợi BD	152.510.000	152.510.000		152.510.000	152.510.000	
Công ty CP Gạch Ngói Cao Cấp M & C	80.000.000	80.000.000		80.000.000	80.000.000	
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	2.182.625.200	1.784.662.000	(397.963.200)	2.182.625.200	1.784.662.000	(397.963.200)
Tổng cộng	2.415.135.200	2.017.172.000	(397.963.200)	2.415.135.200	2.017.172.000	(397.963.200)

Chi tiết số lượng cổ phiếu kinh doanh

Tên đơn vị	Giá gốc	Số lượng cổ phiếu
Công ty XD Giao Thông Thủy Lợi BD	152.510.000	19.630
Công ty CP Gạch Ngói Cao Cấp M & C	80.000.000	10.925
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	2.182.625.200	397.888
Tổng cộng	2.415.135.200	428.443

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CÔNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Dư phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dư phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty con (a)	104.001.000.000		104.001.000.000	80.101.000.000		80.101.000.000
Tổng cộng	104.001.000.000		104.001.000.000	80.101.000.000		80.101.000.000

(a) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 chi tiết đầu tư vào công ty con như sau:

Tên đơn vị	Vốn điều lệ theo Giấy CNĐK DN	Giá trị đầu tư cam kết góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị đã đầu tư	Tỷ lệ quyền biểu quyết trên tổng đầu tư thực góp
Công ty CP Đầu tư Hoa viên - Nghĩa trang - Long Xuyên	65.000.000.000	64.996.000.000	99,99%	68.105.000.000	100,00%
Công ty CP Đầu tư Phú Hưng Viên	20.000.000.000	19.996.000.000	99,98%	35.346.000.000	100,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dịch vụ Thương mại Vĩnh Cửu	37.500.000.000	22.492.500.000	59,98%	550.000.000	100,00%
Tổng cộng	122.500.000.000	107.484.500.000		104.001.000.000	

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	31/12/2020	01/01/2020
3. Phải thu khách hàng		
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>		
- Các khách hàng của Cửa hàng Tự Lực	5.989.239.490	4.562.090.500
- Công ty TNHH TM XNK may Tân Thiên Mã	212.565.292	212.565.292
- Các khách hàng của Chi nhánh Khách sạn Hương Tràm 2	32.078.000	32.078.000
- Các khách hàng của Chi nhánh Tự Lực Tân Uyên	6.167.193.272	6.017.639.500
- Các khách hàng của Chi nhánh Cơ sở Mai Tăng	55.538.521	55.538.521
- Các khách hàng chăm sóc mộ Nghĩa Trang Dĩ An	314.410.000	1.018.590.000
- Công ty Thiết bị Công nghiệp Việt - HT	97.926.817	83.826.910
- Các khách hàng của Đại hỏa táng		720.000.000
- Trần Minh Khanh	1.361.139	1.349.809
- Các khách hàng của Chi nhánh Nghĩa trang Dĩ An		40.000.000
- Các khách hàng khác	74.640.000	9.170.000
Tổng cộng	12.944.952.531	12.752.848.532
4. Trả trước cho người bán		
- Công ty CP Tư vấn & XD Tổng hợp Bình Dương	67.500.000	67.500.000
- Công ty TNHH Kiểm Toán Thái Bình Dương	18.000.000	18.000.000
- Khách hàng của Cửa hàng Tự Lực (*)	6.921.233.253	7.539.949.711
- Khách hàng của Cửa hàng Tự lực Tân Uyên (**)	5.686.744.923	7.039.492.284
- Công ty CP Xây Dựng Công trình Giao Thông đồng Tháp	1.106.916.000	
- Công ty TNHH Thành Đạt Ngân	432.102.000	
- Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ Thông Minh ISOFT	118.000.000	
- Khách hàng khác	140.456.000	
Tổng cộng	14.490.952.176	14.664.941.995
Chi tiết công nợ của các Cửa hàng trực thuộc Chi nhánh Công ty bao gồm các nhà cung cấp tại ngày 31/12/2020 như sau:		
(*) Cửa hàng Tự Lực	6.921.233.253	5.841.909.711
+ Công ty TNHH Bìa và Nước giải khát Việt Nam	6.921.233.253	6.881.493.138
+ Công ty TNHH MTV Đồng Hiệp Lợi	-	658.456.573
+ Cửa hàng Tự lực Tân Uyên	-	(1.698.040.000)
(**) Cửa hàng Tự lực Tân Uyên	5.686.744.923	6.735.310.284
+ Công ty TNHH Bìa và Nước giải khát Việt Nam	5.096.100.923	7.034.991.482
+ Công Ty TNHH MTV Vũ Nguyễn Bảo Ngọc	-	4.500.802
+ Cửa Hàng Tự Lực	590.644.000	(304.182.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

5. Các khoản phải thu khác	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn				
- Ông Phạm Hoài Nam	1.916.857		1.916.857	
- Phụ cấp độc hại NTLT	634.610			
- Ăn phí Vĩnh Cửu			22.500.000	
- Hợp tác xã DV TM Tổng hợp Môi trường Vĩnh Cửu	1.100.000.000		1.100.000.000	
- Bảo hiểm y tế			355.509	
- Tạm ứng nhân viên	13.419.541.000		11.600.000.000	
- Ký cược, ký quỹ; ĐA khu TMDV & ĐC Bắc	2.422.094.000		2.136.734.000	
- Công Vọng	7.713.331.250		860.595.000	
Tổng cộng	24.657.517.717		15.722.101.366	
b. Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ;	9.216.276.000	-	7.982.861.000	
Tổng cộng	9.216.276.000	-	7.982.861.000	
<p>(*+**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 tiền ký quỹ, ký cược là các khoản tiền đặt cọc vỏ chai cho Công ty TNHH Bía và Nước Giải Khát Việt Nam với số tiền 9.216.276.000 đồng. Trong đó, tại Cửa hàng Tự Lực số tiền 7.773.656.000 đồng và Cửa hàng Tự lực Tân Uyên số tiền: 1.442.620.000 đồng.</p>				
6. Hàng tồn kho	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	620.144.033		680.371.681	
Công cụ, dụng cụ	177.452.000		177.452.000	
Hàng hoá	6.176.671.223		13.740.877.252	
Hàng gửi đi bán	196.561.552		433.976.337	
Tổng cộng	7.170.828.808	-	15.032.677.270	
7. Chi phí trả trước	01/01/2020		31/12/2020	
		Tăng	Kết chuyển chi phí	
a. Chi phí trả trước ngắn hạn				
	261.062.892	361.355.504	489.057.771	133.360.625
Tổng cộng	261.062.892	361.355.504	489.057.771	133.360.625
b. Chi phí trả trước dài hạn				
	965.630.521	784.972.323	910.940.336	839.662.508
Tổng cộng	965.630.521	784.972.323	910.940.336	839.662.508

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CÔNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư 01/01/2020	19.512.985.196	4.346.591.562	11.771.594.894	555.356.646	36.186.528.298
- Mua trong năm			407.616.818	574.844.000	982.460.818
- Thanh lý, nhượng bán			(378.096.961)	-	(378.096.961)
- Giảm khác		(540.739.363)			(540.739.363)
Số dư 31/12/2020	19.512.985.196	3.805.852.199	11.801.114.751	1.130.200.646	36.250.152.792
Khấu hao lũy kế					
Số dư 01/01/2020	10.121.097.166	4.291.598.553	7.173.188.785	208.258.749	21.794.143.253
- Khấu hao trong năm	660.163.227	28.871.674	1.158.802.827	113.089.587	1.960.927.315
- Thanh lý, nhượng bán			(336.517.839)		(336.517.839)
- Giảm khác		(540.739.363)			(540.739.363)
Số dư 31/12/2020	10.781.260.393	3.779.730.864	7.995.473.773	321.348.336	22.877.813.366
Giá trị còn lại					
Số dư 01/01/2020	9.391.888.030	54.993.009	4.598.406.109	347.097.897	14.392.385.045
Số dư 31/12/2020	8.731.724.803	26.121.335	3.805.640.978	808.852.310	13.372.339.426
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng bao gồm:					
Nhà cửa, vật kiến trúc		4.536.410.771			
Máy móc thiết bị		4.104.726.562			
PTVT, truyền dẫn		4.315.110.986			
Tổng cộng		12.956.248.319			

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CÔNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

9. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Số dư 01/01/2020	10.878.231.700				10.878.231.700
- Mua trong năm	4.301.982.860				4.301.982.860
Số dư 31/12/2020	15.180.214.560				15.180.214.560
Khấu hao lũy kế					
Số dư 01/01/2020	4.428.075.238				4.428.075.238
- Khấu hao trong năm	508.524.909				508.524.909
Số dư 31/12/2020	4.936.600.147				4.936.600.147
Giá trị còn lại					
Số dư 01/01/2020	6.450.156.462				6.450.156.462
Số dư 31/12/2020	10.243.614.413				10.243.614.413

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

10. Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Nguyên giá	Quyền sử dụng đất	Nhà	Nhà và quyền sử dụng đất	Khác	Tổng cộng
Số dư 01/01/2020	53.391.537.200	-	-	-	53.391.537.200
- Mua trong năm	2.367.982.860	-	-	-	2.367.982.860
- Giảm trong năm	(4.301.982.860)	-	-	-	(4.301.982.860)
Số dư 31/12/2020	51.457.537.200	-	-	-	51.457.537.200
Khấu hao lũy kế					
Số dư 01/01/2020	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2020	-	-	-	-	-
Giá trị còn lại					
Số dư 01/01/2020	53.391.537.200	-	-	-	53.391.537.200
Số dư 31/12/2020	51.457.537.200	-	-	-	51.457.537.200

Quyền sử dụng đất bao gồm:

Thửa đất	Người đứng tên	Số tiền	Thời gian sử dụng
QSD đất tại Thị Trấn An Thạnh (*)	Lê Hữu Nghĩa	3.821.260.000	Đến 12/2023
QSD đất Thạnh Bình (***)	Lê Hữu Nghĩa	1.061.820.000	Từ 04/12/09 đến 03/05/20
QSD đất Thủ Dầu 1, Bình Dương (Lô VII-Ô67)	Cty CP XD và DV Công Cộng Bình Dương	2.486.707.200	Không thời hạn
QSD đất Thủ Dầu 1, Bình Dương (Lô VH-Ô7)	Cty CP XD và DV Công Cộng Bình Dương	1.793.600.000	Không thời hạn
QSD đất Thủ Dầu 1, Bình Dương (Lô VH-Ô8)	Cty CP XD và DV Công Cộng Bình Dương	1.739.600.000	Không thời hạn

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CÔNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

10. Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư (tiếp theo)

QSD đất Thủ Dầu 1, Bình Dương (Lô VH-09)	Cty CP XD và DV Công Công Bình Dương	1.793.600.000	Không thời hạn
Đất Núi Sập Thoại Sơn (3112 m ²)	Chưa sang tên	3.000.000.000	Không thời hạn
Đất Thoại Sơn BD021984 (CH03274) (304m ²)	Chưa sang tên	386.800.000	Không thời hạn
Đất thoại sơn BD046462(CH03043) (dt 2214m ²)	Chưa sang tên	2.656.800.000	Không thời hạn
Đất Thoại Sơn BK 484013 (CH03813) dt 2759-1606 m ²	Chưa sang tên	5.238.000.000	Không thời hạn
Đất Thoại Sơn (CH 03915) dt 3146m ²	Chưa sang tên	3.146.000.000	Không thời hạn
Đất Thoại Sơn (CH03916) dt 428m ²	Chưa sang tên	438.000.000	Không thời hạn
Đất Núi Sập-Thoại Sơn-AG (3202 m ²)	Chưa sang tên	2.241.400.000	Không thời hạn
Đất Thoại Sơn BX584426 (CH03926) dt 2442 m ²	Chưa sang tên	2.930.400.000	Không thời hạn
Đất Núi Sập Thoại Sơn 5903 m ²	Chưa sang tên	5.607.850.000	Không thời hạn
Đất Núi Sập, Thoại Sơn, AG CK 755174+75 (3927 m ²)	Chưa sang tên	2.748.900.000	Không thời hạn
Núi Sập, Thoại Sơn CQ 167290 (1828m ²)	Chưa sang tên	1.828.000.000	Không thời hạn
Đất Núi Sập Thoại Sơn 1940 m ²	Chưa sang tên	3.192.000.000	Không thời hạn
Đất Núi sập Thoại Sơn (2484 m ²)	Chưa sang tên	2.980.800.000	Không thời hạn
Đất Thoại Sơn 1629m ² (tờ BD 85, thửa tam 15 (23m ²) và 18 (1629m ²))	Chưa sang tên	1.400.200.000	Không thời hạn
Đất Thoại Sơn 878m ² (Tờ BD 85, thửa tam 19)	Chưa sang tên	965.800.000	Không thời hạn
Tổng cộng		51.457.537.200	

(*) Ông Lê Hữu Nghĩa được ủy quyền đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Thị Trấn An Thạnh theo Giấy Ủy quyền số 07/TGD-UQ ngày 28/01/2008 với thời hạn ủy quyền khi công ty có nhu cầu thu hồi.

(**) Ông Lê Hữu Nghĩa được ủy quyền đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Thạnh Bình theo Giấy Ủy quyền số 298A/TGD-UQ ngày 20/10/2009 với thời hạn ủy quyền khi công ty có nhu cầu thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

11. Phải trả người bán	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>				
- Khách hàng của Nghĩa Trang Di An	88.441.000	88.441.000	110.257.000	110.257.000
- Khách hàng của Nghĩa Trang Lái Thiêu	13.500.000	13.500.000	5.350.000	5.350.000
- Công ty TNHH Thiết Bị Công Nghiệp Việt - HT	200.048.541	200.048.541	334.206.226	334.206.226
- XN Xử lý chất thải	3.993.000	3.993.000		
- Cửa Hàng Tự Lực	790.971.256	790.971.256	304.182.000	304.182.000
- Cửa hàng Tự Lực Tân Uyên	1.520.248.733	1.520.248.733	1.698.040.000	1.698.040.000
Tổng cộng	2.617.202.530	2.617.202.530	2.452.035.226	2.452.035.226
12. Người mua trả tiền trước			31/12/2020	01/01/2020
- Tiền Thiết kế sửa chữa nhà phố				
- Ứng trước các khách hàng Cửa hàng Tự Lực			2.666.758.500	2.379.547.000
- Ứng trước các khách hàng CH Tự Lực Tân Uyên			54.659.000	69.590.500
- Ứng trước của VP Kiểm toán Nhà nước			36.820.000	16.000.000
Tổng cộng			2.758.237.500	2.465.137.500

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CÔNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

13. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
Thuế GTGT	292.319.182	771.252.077	1.578.588.987	(515.017.728)
Thuế TNDN	1.726.136.081	1.873.557.869	3.226.136.081	373.557.869
Thuế TNCN	236.787.353	626.004.991	274.215.244	588.577.100
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	197.293.085	198.322.229	(1.029.144)
Thuế môn bài		13.000.000	13.000.000	
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	99.352.600	202.250.000	249.350.000	52.252.600
Tổng cộng	2.354.595.216	3.683.358.022	5.539.612.541	498.340.697

Trong đó:

Thuế và các khoản phải thu ngân sách Nhà nước:

	31/12/2020	01/01/2020
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	1.029.144	
Tổng cộng	1.029.144	

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

	31/12/2020	01/01/2020
Thuế GTGT	(515.017.728)	292.319.182
Thuế TNDN	373.557.869	1.726.136.081
Thuế TNCN	588.577.100	236.787.353
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	52.252.600	99.352.600
Tổng cộng	499.369.841	2.354.595.216

Số thuế phải nộp của doanh nghiệp chưa được Cơ quan Thuế quyết toán. Do đó, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

14. Phải trả công nhân viên

	31/12/2020	01/01/2020
- Lương công nhân viên	3.949.266.558	2.934.803.030
Tổng cộng	3.949.266.558	2.934.803.030

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	31/12/2020	01/01/2020
15. Doanh thu chưa thực hiện		
<i>a Ngắn hạn</i>		
- Doanh Thu nhận trước: MB HT2 Vietnamobile	38.000.000	38.000.000
- Doanh Thu nhận trước: Chăm sóc mộ Lái Thiêu	2.447.353.364	2.430.045.614
- Doanh Thu nhận trước: Chăm sóc mộ Nghĩa trang Dĩ An		1.045.850.000
Tổng cộng	2.485.353.364	3.513.895.614
<i>b Dài hạn</i>		
- Doanh Thu nhận trước: Chăm sóc mộ Lái Thiêu	7.811.291.046	7.881.612.796
Tổng cộng	7.811.291.046	7.881.612.796
16. Phải trả khác		
<i>a Phải trả ngắn hạn khác</i>		
- Bảo hiểm Xã hội		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (Cửa hàng tự Lực)	780.927.300	736.112.300
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (CHTL Tân Uyên)	173.070.000	165.480.000
- Phải trả Cửa hàng tự Lực	152.648.200	152.648.200
- Cty CP Đầu Tư Phú Hưng Viên	356.250.000	356.250.000
- Cty CP Đầu Tư Hoa Viên - Nghĩa Trang - Long Xuyên		18.156.800.000
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	142.891.202	1.696.032
Tổng cộng	1.605.786.702	19.568.986.532

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CÔNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

		31/12/2020	01/01/2020	
b. Phải trả dài hạn khác				
- Khách hàng mua đất dự án Bắc Công Vong		12.442.380.300		
- Cty CP Đầu Tư Hoa Viên - Nghĩa Trang - Long Xuyên		21.956.800.000		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		526.556.000	313.956.000	
Tổng cộng		34.925.736.300	313.956.000	
Chủ yếu bao gồm:				
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển CN Thuận An - Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 09/HĐ,CT ngày 14/6/2007		81.000.000	81.000.000	
- Các khoản thế chấp thuê đất		445.556.000	192.696.000	
17. Dự phòng phải trả		31/12/2020	01/01/2020	
Ngắn hạn				
- Dự phòng vô chai bia		12.000.000	12.000.000	
Tổng cộng		12.000.000	12.000.000	
18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	01/01/2020	Tăng	Giảm	31/12/2020
Quỹ khen thưởng	-	2.054.459.646	1.038.184.686	1.016.274.960
Quỹ phúc lợi	243.502.583			243.502.583
Quỹ ban điều hành công ty		42.006.912	42.006.912	-
Tổng cộng	243.502.583	2.096.466.558	1.080.191.598	1.259.777.543
19. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		31/12/2020	01/01/2020	
Dài hạn				
Dự án khu TMDV và DC Bắc Công Vong		13.157.477.103	280.890.194	
Tổng cộng		13.157.477.103	280.890.194	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

20. Vay và nợ thuê tài chính	01/01/2020		2020		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
<i>Vay ngắn hạn</i>						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Dương	20.400.000.000	20.400.000.000	67.500.000.000	56.373.603.877	31.526.396.123	31.526.396.123
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nam Bình Dương	21.100.000.000		88.100.000.000	82.400.000.000	26.800.000.000	26.800.000.000
Tổng cộng	41.500.000.000	20.400.000.000	155.600.000.000	138.773.603.877	58.326.396.123	58.326.396.123

Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng tín dụng số 200013/2020-HĐCVHM/NHCT640- DVCCBD ngày 29 tháng 04 năm 2020 và các phụ lục đính kèm. Hạn mức tín dụng vay là 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng), lãi suất vay vốn thông thường 9%/năm, lãi suất vay ưu đãi 7%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay thanh toán tiền mua bia.

Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 043/CCBD-VCB/CV/2020 ngày 24 tháng 09 năm 2020 và các phụ lục đính kèm. Hạn mức tín dụng vay là 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng), lãi suất vay vốn thông thường 7%/năm, thời hạn vay 12 tháng.

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	01/01/2020		2020		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay dài hạn</i>						
- Vay và nợ dài hạn	20.000.000.000	20.000.000.000			20.000.000.000	20.000.000.000
Tổng cộng	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000



Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

21. **Vốn chủ sở hữu**

a. **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư 01/01/2019	75.847.860.000	20.600.649.487	35.353.873.010	131.802.382.497
Tăng vốn năm trước	7.584.790.000	1.626.557.333		9.211.347.333
Lãi trong năm trước			16.874.074.096	16.874.074.096
Tăng vốn chủ sở hữu			(7.584.790.000)	(7.584.790.000)
Chia cổ tức			(4.550.871.600)	(4.550.871.600)
Trích quỹ từ LN sau thuế			(3.696.049.807)	(3.696.049.807)
Số dư 31/12/2019	83.432.650.000	22.227.206.820	36.396.235.699	142.056.092.519
Tăng vốn năm nay	8.343.270.000	1.687.407.410		10.030.677.410
Lãi trong năm			8.164.984.661	8.164.984.661
Tăng vốn chủ sở hữu			(8.343.270.000)	(8.343.270.000)
Chia cổ tức			(4.171.627.500)	(4.171.627.500)
Trích quỹ từ LN sau thuế			(3.783.873.968)	(3.783.873.968)
Số dư 31/12/2020	91.775.920.000	23.914.614.230	28.262.448.892	143.952.983.122

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
- Vốn góp của nhà nước		
- Vốn góp của các đối tượng khác	91.775.920.000	83.432.650.000
Trong đó		
- Do pháp nhân nắm giữ	27.532.780.000	25.029.800.000
- Do cá nhân nắm giữ	64.243.140.000	58.402.850.000
<i>Chi tiết các thành viên góp vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:</i>	Số tiền	%
- Tổng Công ty Đầu Tư & KD Vốn Nhà Nước (SCIC)	27.532.780.000	30,00%
- Ông Trần Danh	15.687.530.000	17,09%
- Ông Lê Hữu Nghĩa	9.876.210.000	10,76%
- Các cổ đông khác	38.679.400.000	42,15%
Tổng cộng	91.775.920.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	2020	2019
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	83.432.650.000	75.847.860.000
+ Vốn góp tăng trong năm	8.343.270.000	7.584.790.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	91.775.920.000	83.432.650.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.171.627.500	4.550.871.600

d. Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.177.592	8.343.265
+ Cổ phiếu phổ thông	9.177.592	8.343.265

đ. Cổ tức

	31/12/2020	01/01/2020
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	890	2.022

e. Quỹ đầu tư phát triển

	2020	2019
- Số dư đầu năm	22.227.206.820	20.600.649.487
Tăng do chuyển từ quỹ dự phòng tài chính	-	-
Tăng từ trích LNST	1.687.407.410	1.626.557.333
Giảm trong năm	-	-
- Số dư cuối năm	23.914.614.230	22.227.206.820

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	2020	2019
01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.034.316.609.515	1.060.968.064.802
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng		
+ Doanh thu xây mô Nghĩa Trang Lái Thiêu	2.394.730.099	2.378.366.107
+ Doanh thu xây mô Nghĩa Trang Dĩ An	739.890.000	1.005.950.000
+ Doanh thu bán hàng Cửa hàng Tự Lực	663.921.735.133	725.972.254.824
+ Doanh thu bán hàng CHTL Tân Uyên	330.021.417.099	286.971.360.293
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.394.330.955	41.609.227.211
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	1.844.506.229	3.030.906.367
Doanh thu khác		
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
Hàng bán bị trả lại	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.034.316.609.515	1.060.968.064.802
02. Giá vốn hàng bán	2020	2019
Giá vốn bán hàng Cơ Sở Mai Táng		
Giá vốn xây mô Nghĩa Trang Lái Thiêu	1.134.101.579	1.016.779.998
Giá vốn xây mô Nghĩa Trang Dĩ An	373.897.003	503.315.610
Giá vốn bán hàng Cửa hàng Tự Lực	658.900.698.855	718.920.102.108
Giá vốn bán hàng CHTL Tân Uyên	326.917.738.173	283.754.735.442
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	20.259.039.722	22.826.383.729
Tổng cộng	1.007.585.475.332	1.027.021.316.887
03. Doanh thu hoạt động tài chính	2020	2019
Lãi tiền gửi	12.830.304	22.668.388
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.555.000	9.832.500
Doanh thu bán cổ phiếu		2.489.841.300
Tổng cộng	19.385.304	2.522.342.188
04. Chi phí tài chính	2020	2019
Lãi trái phiếu		823.200.000
Lãi tiền vay	3.245.732.930	1.244.499.242
Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu		209.503.800
Tổng cộng	3.245.732.930	2.277.203.042

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	2020	2019
05. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	4.950.218.675	4.605.928.088
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.032.704.679	890.280.188
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.301.988	90.735.466
Chi phí bằng tiền khác	2.307.387.190	2.126.872.047
Tổng cộng	8.397.612.532	7.713.815.789
06. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	5.090.951.155	5.136.471.321
Chi phí vật liệu quản lý	27.271.922	25.241.890
Chi phí khấu hao tài sản cố định	429.382.740	429.382.740
Thuế, phí và lệ phí	97.409.492	95.486.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	339.316.872	315.397.138
Chi phí bằng tiền khác	2.993.365.461	2.567.286.855
Tổng cộng	8.977.697.642	8.569.266.774
07. Thu nhập khác		
Các khoản thu nhập khác (*)	3.950.645.269	2.902.865.679
Tổng cộng	3.950.645.269	2.902.865.679
(*) Các khoản thu nhập khác chiếm đa số là các khoản thu tiền hoa hồng bán hàng bia cho Công ty TNHH Bia và Nước Giải Khát Việt Nam.		
08. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	10.038.542.530	20.811.670.177
Cộng các khoản chi phí không được trừ	552.067.078	703.846.281
- Thu nhập tính thuế từ HĐ SXKD	10.590.609.608	20.458.216.458
- Thu nhập tính thuế từ HĐ chuyển nhượng BĐS		1.057.300.000
Thu nhập không chịu thuế tính thuế	6.555.000	9.832.500
Thu nhập tính thuế	10.584.054.608	21.505.683.958
- Thu nhập tính thuế 10%	2.432.530.536	3.635.407.111
- Thu nhập tính thuế 20%	8.151.524.072	17.870.276.847
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.873.557.869	3.937.596.081
09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	990.771.123.976	1.009.141.614.213
Chi phí nhân công;	15.736.220.422	15.930.145.880
Chi phí khấu hao tài sản cố định;	2.469.452.224	2.336.096.114
Chi phí dịch vụ mua ngoài;	1.036.414.939	1.130.351.894
Chi phí khác bằng tiền.	18.193.306.875	17.043.394.391
Tổng cộng	1.028.206.518.436	1.045.581.602.492

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CÔNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	2020	2019
1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai		
- Tăng vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận sau thuế	8.343.270.000	7.584.790.000
2. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:	155.600.000.000	153.438.806.901
3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:	(138.773.603.877)	(138.438.806.901)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan

Công ty CP Đầu tư Hoa viên - Nghĩa trang - Long Xuyên

Công ty CP Đầu tư Phú Hưng Viên

Công ty CP Đầu tư Xây dựng Dịch vụ Thương mại Vĩnh Cửu

Ban điều hành công ty

Ông Nguyễn Tấn Đạt

Ông Lê Hữu Nghĩa

Ông Trần Danh

Ông Trần Thiện Thế

Ông Nguyễn Văn Tài

Bà Võ Thị Thanh Thảo

Bà Trần Thị Thu Thảo

Bà Lâm Thị Phương Lam

Ông Huỳnh Tấn Tài

Bà Đồng thị Ngân Thương

Phát sinh trong năm với các bên liên quan:

Giao dịch phải trả khác

Công ty CP Đầu tư Hoa viên - Nghĩa trang - Long Xuyên

Công ty CP Đầu tư Phú Hưng Viên

Ông Huỳnh Tấn Tài tạm ứng

Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng giám đốc

Số công nợ với bên liên quan

Các bên liên quan

Công ty CP Đầu tư Hoa viên - Nghĩa trang - Long Xuyên

Công ty CP Đầu tư Phú Hưng Viên

Công ty CP Đầu tư Xây dựng Dịch vụ Thương mại Vĩnh Cửu

Ông Huỳnh Tấn Tài

Mối quan hệ

Công ty con

Công ty con

Công ty con

Chủ tịch

Thành viên và Tổng Giám đốc

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Trưởng ban kiểm soát

Kiểm soát viên

Kiểm soát viên

Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

2020

2019

3.800.000.000

5.856.800.000

2.803.705.657

2.949.689.505

Nội dung nghiệp vụ

31/12/2020

Phải trả khác

21.956.800.000

Phải trả khác

356.250.000

Phải thu khác

1.100.000.000

Phải thu tạm ứng

3.000.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác nhận giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.555.988.816		21.337.660.377	
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	46.818.746.248	(52.898.100)	36.457.810.898	(52.898.100)
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	106.416.135.200	(397.963.200)	82.516.135.200	(397.963.200)
Tổng cộng	169.790.870.264	(450.861.300)	140.311.606.475	(450.861.300)

Công nợ tài chính

	31/12/2020	01/01/2020
Phải trả người bán, phải trả khác	39.148.725.532	22.334.977.758
Các khoản nợ vay và nợ thuê tài chính	78.326.396.123	61.500.000.000
Dự phòng phải trả	12.000.000	12.000.000
Tổng cộng	117.487.121.655	83.846.977.758

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

2. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

(i) Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ do đó Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

(ii) Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải trả cho các khoản vay. Công ty quản lý rủi ro bằng việc phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để tối đa hoá lãi suất có lợi cho Công ty và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro. Ban giám đốc đánh giá rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

(iii) Rủi ro về giá

Các khoản đầu tư bao gồm tiền gửi có kỳ hạn, đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư khác của Công ty bị ảnh hưởng bởi các rủi ro do sự biến động của thị trường chứng khoán ảnh hưởng đến giá trị tương lai của các khoản đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, đa dạng hoá danh mục đầu tư và các mức giới hạn liên thực lãi, cắt lỗ.

Đối với Công ty Ban giám đốc đánh giá rủi ro về giá tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Các rủi ro tín dụng chủ yếu từ các khoản phải thu và tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác của Công ty.

Đối với các khoản phải thu, Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá các khoản phải thu và lập dự phòng phải thu khó đòi kịp thời cho từng khách hàng (nếu có) khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CÔNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

2. Công cụ tài chính (tiếp theo)

c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi-phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại ngày 31/12/2020	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.555.988.816		16.555.988.816
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	37.549.572.148	9.216.276.000	46.765.848.148
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	2.017.172.000	104.001.000.000	106.018.172.000
Tổng cộng	56.122.732.964	113.217.276.000	169.340.008.964
Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	4.222.989.232	34.925.736.300	39.148.725.532
Phải trả vay và nợ thuê tài chính	58.326.396.123	20.000.000.000	78.326.396.123
Dự phòng phải trả	12.000.000		12.000.000
Tổng cộng	62.549.385.355	54.925.736.300	117.475.121.655
Chênh lệch thanh khoản thuần	(6.426.652.391)	58.291.539.700	51.864.887.309

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

2. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 01/01/2020


Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.337.660.377		21.337.660.377
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	28.422.051.798	7.982.861.000	36.404.912.798
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	2.017.172.000	80.101.000.000	82.118.172.000
Tổng cộng	51.776.884.175	88.083.861.000	139.860.745.175
Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	22.021.021.758	313.956.000	22.334.977.758
Phải trả vay và nợ thuê tài chính	41.500.000.000	20.000.000.000	61.500.000.000
Dự phòng phải trả	12.000.000		12.000.000
Tổng cộng	63.521.021.758	20.313.956.000	83.846.977.758
Chênh lệch thanh khoản thuần	(11.744.137.583)	67.769.905.000	56.013.767.417


3. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Tổng Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

Ngày 27 tháng 03 năm 2021


Võ Thị Thanh Thảo
Người lập biểu


Đông Thị Ngân Thương
Kế toán trưởng


Lê Hữu Nghĩa
Tổng Giám đốc